

Số/No.: 28/2020/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2020  
Hanoi, 17 April 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH  
HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT  
AFTER EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM  
To: Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSVFL
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 16/04/2020
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF  
Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weight
I	Chứng khoán/Stock		
1	BID	810	3.6%
2	BVH	110	0.6%
3	CTG	3,210	7.7%
4	EIB	2,840	5.2%
5	HCM	270	0.5%
6	HDB	3,680	9.2%
7	MBB	7,010	13.8%
8	SSI	1,640	2.7%
9	STB	8,650	10.1%
10	TCB	6,590	14.0%
11	VCB	1,630	13.9%
12	VPB	7,040	18.5%
II	Tiền/Cash (VND)	551,897	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between a basket and an ETF Creation Unit in value:

- + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Basket in value 827,477,500 VND
- + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value of an ETF Creation Unit 828,029,397 VND
- + Giá trị chênh lệch/ Cash Component 551,897 VND

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / Options to Investors:

• Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer Cash Component

• Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive Cash Component after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/

In case, stock can be substituted by cash, state clearly the reason:

STT No	Mã Chứng Khoán Securities	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	SSI	13,350	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch Treasury stock not yet registered for trading
2	BID	37,300	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
3	EIB	15,150	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
4	MBB	16,350	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
5	TCB	17,550	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chi tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period 16/04/2020	Kỳ trước/Last Period 15/04/2020	Chênh lệch/ Difference
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	26,700,000	26,700,000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	8,220	8,240	-20
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
của quỹ ETF/ of the Fund	221,083,849,093	215,478,997,824	5,604,851,269
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	828,029,397	807,037,445	20,991,952
của 1 CCQ/ per Share	8,280.29	8,070.37	209.92
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	816.76	814.16	2.60

Đại diện tổ chức  
Organization representative



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Lê Thị Lê Hằng